

Số: *17* /2009/QĐ-UBND *Thành phố Cao Lãnh, ngày 26 tháng 8 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thu lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp
chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí đăng ký cư trú;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2006/NQ-HĐND-K7 ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc thông qua khung mức thu, chế độ thu nộp đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2009/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa VII thông qua tại kỳ họp thứ 12 về việc Quy định thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định về thu lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân; lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- NC (TH, LTPP);
- Lưu VT.HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Nghĩa

QUY ĐỊNH

**Về thu lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2009/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

1. Lệ phí đăng ký cư trú.

a) Lệ phí đăng ký cư trú là khoản thu đối với người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Cơ quan thực hiện đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú là cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú.

2. Lệ phí chứng minh nhân dân.

a) Lệ phí chứng minh nhân dân là khoản thu đối với người được cơ quan Công an cấp đổi hoặc cấp lại chứng minh nhân dân.

b) Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên được cơ quan Công an cấp đổi hoặc cấp lại chứng minh nhân dân phải nộp lệ phí cấp chứng minh nhân dân.

Điều 2. Đối tượng không thu.

1. Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo.

2. Không thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

Điều 3. Đối tượng miễn.

1. Các trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú bao gồm:

a) Miễn thu lệ phí khi cấp mới sổ tạm trú.

b) Miễn thu lệ phí khi cấp mới sổ hộ khẩu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Trước đây do chưa được cấp sổ hộ khẩu do không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đã đăng ký thường trú nhưng chưa được cấp sổ hộ khẩu, nay được cấp sổ hộ khẩu mới theo quy định của Luật cư trú.

- Chuyển nơi đăng ký thường trú ra ngoài phạm vi quận, huyện, thị xã của thành phố trực thuộc Trung ương; ra ngoài thị xã, thành phố thuộc tỉnh; ra ngoài xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh và được cấp sổ hộ khẩu mới, trừ trường hợp chuyển cả hộ gia đình.

- Tách sổ hộ khẩu.

2. Các trường hợp miễn thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân, bao gồm miễn thu lệ phí khi cấp mới chứng minh nhân dân và khi cấp đổi chứng minh nhân dân do chứng minh nhân dân hết thời hạn sử dụng (quá 15 năm kể từ ngày cấp).

Chương II **MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU LỆ PHÍ**

Điều 4. Mức thu.

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí đăng ký cư trú		
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	đồng/dăng ký	5.000
2	- Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	đồng/lần cấp	7.500
	- Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.	đồng/lần cấp	4.000
3	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà; xoá tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú).	đồng/lần đính chính	2.500
II	Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền chụp ảnh của người được cấp).		
	Cấp lại, cấp đổi.	đồng/lần cấp	3.000

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền lệ phí.

Lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân là lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước, số tiền lệ phí thu được để lại 100% cho đơn vị tổ chức thu lệ phí.

Điều 6. Các quy định về đăng ký, kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 về việc hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Giám đốc Công an Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan tổ chức thực hiện thu lệ phí theo quy định.

Điều 8. Cơ quan Thuế địa phương nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu lệ phí cho đơn vị thu; kiểm tra đôn đốc các đơn vị thu lệ phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền lệ phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 9. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc thu lệ phí đúng quy định. Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình việc thực hiện thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí trên địa bàn Tỉnh; theo dõi mức thu lệ phí; đồng thời, tổng hợp các kiến nghị đề xuất trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. / *lue*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Nghĩa